



zuó yè

昨夜

time noun · last night

Example Sentences

zuó yè xià le yī chǎng dà yǔ
昨夜下了一场大雨。

It rained heavily last night.

zuó yè wǒ shī mián le zhí dào tiān liàng cái shuì zháo
昨夜我失眠了，直到天亮才睡着。

I was sleepless last night and didn't fall asleep until dawn.

Trace each character, then write the word on your own.

昨	昨	昨	昨	昨	昨	昨	昨	昨	昨	昨
夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜